TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14/2022/HS-ST
Ngày 25 tháng 02 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Q.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh, là Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: bà Vũ Như Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2022/TLST- HS ngày 26/01/2022, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Tự Q, tên gọi khác: không, sinh năm 1981 tại xã G, huyện G, tỉnh N.

Nơi cư trú: xóm 2 T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: làm ruộng; giới tính: nam; trình độ văn hóa: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Trọng O và bà Bùi Thị X; có vợ là Trương Thị Nh và 02 con, con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: ngày 27/12/2017, Tòa án nhân dân huyện G ra Q định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 (*mười tám*) tháng, chấp hành xong Q định ngày 02/4/2020; nhân thân: Ngày 20/8/2017, bị Đồn Công an khu công nghiệp G K, huyện G ra Q định xử phạt 500.000 đ (*năm trăm nghìn đồng*) về hành vi "*sử dụng trái phép chất ma túy*" đã được xóa, tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 21/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện G xử phạt Lê Tự Q 5.000.000 đ (*năm triệu đồng*) về tội "*đánh bạc*", chấp hành xong Bản án ngày 22/9/2020 đã được xóa án, ngày 31/5/2017, bị Đồn Công an khu công nghiệp G K, huyện G xử phạt 500.000 đ (*năm trăm nghìn đồng*) về hành vi "*sử dụng trái phép chất ma túy*", chấp hành xong Q định ngày 21/6/2017 đã được xóa; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/11/2021, chuyển tạm giam ngày 26/11/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị X, sinh năm 1948.

Trú tại: xóm 2 T, xã G, huyện G, tỉnh N

Bà X ủy quyền cho ông Lê Trường S, sinh năm 1974. Ông S có mặt

Người làm chứng: các anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Cơ Th. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tự Q là người sử dụng trái phép chất ma túy từ lâu. Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 18/11/2021, do có nhu cầu sử dụng ma túy, Q điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 35H3-4278 đi từ nhà ở xóm 2 T, xã G đến đường đê thuộc địa phận xã N, huyện H nhằm mục đích mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực trên, Q nhìn thấy một người đàn ông không quen biết đang đứng một mình nên điều khiển xe mô tô đến gần và hỏi: "*Anh ơi, có hàng bán không, để cho em ba trăm đá?"* - ý Q hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy đá, đồng thời Q lấy số tiền 300.000 đồng đưa cho người đàn ông. Người này cầm tiền rồi đưa cho Q 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (2,5x2,5) cm, miệng túi có đường viền màu xanh, bên trong túi chứa chất dạng tinh thể màu trắng. Xác định đó là ma túy đá, Q bỏ túi nilon vào túi quần phía trước bên phải rồi nói với người đàn ông: "*Anh có cóng không cho em xin*". Người đàn ông đưa cho Q 01 chiếc cóng thủy tinh. Q cầm chiếc cóng bỏ vào túi quần phía trước bên phải rồi điều khiển xe mô tô quay về. Khi đến khu vực đê H, thuộc địa phận xã G, huyện G, Q dừng xe mô tô lại và lấy một phần ma túy mới mua được ra để sử dụng bằng hình thức hút. Sau khi sử dụng ma túy xong, Q bỏ bộ dụng cụ sử dụng ma túy ở ven đê, sau đó cất số ma túy còn lại vào túi quần phía trước bên phải rồi điều khiển xe mô tô đi về. Đến 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi Q điều khiển xe mô tô đi đến trục đường thôn V2, xã G, thì gặp lực lượng Công an xã G đang làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che giấu hành vi phạm tọi của mình, Q lấy từ túi quần phía trước bên phải ra 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2,5) cm, miệng túi có đường viền màu xanh, bên trong đựng chất dạng tinh thể màu trắng giao nộp cho lực lượng Công an và khai nhận đó là túi ma túy đá, Q cất giấu nhằm mục đích sử dụng. Lực lượng Công an thu giữ và niêm phong túi ma túy có đặc điểm nêu trên của Q. Ngoài ra, còn thu giữ của Q 01 xe mô tô Biển kiểm soát 35H3-4278 và số tiền 70.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiến hành cân xác định chất dạng tinh thể màu trắng bên trong túi nilon thu giữ của Lê Tự Q có khối lượng 0,339 gam, lấy mẫu giám định ký hiệu M, để Q định trưng cầu giám định khối lượng và chất ma túy. Tại Kết luận giám định số 867/KLGĐ-PC09-MT ngày 26/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận:

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,3371 gam, là ma túy loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: *Chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2991 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong (Tất cả được niêm phong trong một phong bì "Mẫu vật hoàn trả sau giám định" có ghi số 867/KLGĐ-PC09-MT, cùng thông tin về vụ việc và vật chứng).*

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại 01 xe mô tô Biển kiểm soát 35H3-4278 cho bà Bùi Thị Xuân.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra Q định chuyển số tiền 70.000 đồng đến tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, chuyển 01 phong bì ghi số 867/KLGĐ-PC09-MT do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao, bên trong gồm: chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2991 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định, bên trong gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2,5) cm, miệng túi có đường viền màu xanh, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 que thử ma túy của Lê Tự Q đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Quá trình điều tra, Lê Tự Q đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Tại Bản cáo trạng số 22/CT-VKS-GV ngày 26/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Lê Tự Q ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Tự Q như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Lê Tự Q phạm tội **"**tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Xử phạt bị cáo Lê Tự Q từ 18 (*mười tám*) tháng tù đến 24 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 18/11/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ghi số 867/KLGĐ-PC09-MT do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao, bên trong gồm: chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2991 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định, bên trong gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2,5) cm, miệng túi có đường viền màu xanh, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên

trong đựng 01 que thử ma túy; trả lại cho Lê Tự Q số tiền 70.000 đ (*bẩy mươi nghìn đồng*) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Q định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Lê Tự Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 20 giờ 15 phút ngày 18/11/2021, Q điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 35H3-4278 đi đến đường đê thuộc địa phận xã N, huyện H nhằm mục đích mua ma túy về sử dụng. Tại đây, Q gặp và mua được từ một người đàn ông không quen biết 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (2,5x2,5) cm, miệng túi có đường viền màu xanh, bên trong túi chứa chất dạng tinh thể màu trắng với giá tiền là 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*). Xác định đó là ma túy đá, Q bỏ túi nilon vào túi quần phía trước và xin thêm người đàn ông 01 chiếc cóng thủy tinh. Q cầm chiếc cóng bỏ vào túi quần phía trước bên phải rồi điều khiển xe mô tô quay về. Trên đường về, Q đã lấy một phần ma túy mới mua được ra để sử dụng bằng hình thức hút và vứt bỏ chiếc cóng. Đến 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi Q điều khiển xe mô tô đi đến trục đường thôn V 2, xã G, thì gặp lực lượng Công an xã Gia Phương đang làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che giấu hành vi phạm tọi của mình, Q lấy từ túi quần phía trước bên phải ra 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2,5) cm, miệng túi có đường viền màu xanh, bên trong đựng chất dạng tinh thể màu trắng giao nộp cho lực lượng Công an và khai nhận đó là túi ma túy đá có đặc điểm nêu trên. Như vậy, rõ ràng bị cáo đã có hành vi cất giấu trái phép 0,3371 gam, là ma túy, loại Methamphetamine đúng như kết luận giám định, Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên nhằm để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với kết luận giám định, với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng của vụ án đã được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "tàng trữ trái phép chất ma túy''. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và khối lượng Methamphetamine mà bị cáo tàng trữ,

Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

[4]. Bản thân bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập mà sớm sa vào con đường nghiện ngập ma túy dẫn đến phạm tội. Ma tuý là một tệ nạn mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, vì ma tuý mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, vợ chồng ly tán. Ma tuý ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, là hiểm họa gây nên căn bệnh HIV/AIDS, ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Tự Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân xấu.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần có một hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo Lê Tự Q là con nghiện, việc tàng trữ ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì ghi số 867/KLGĐ-PC09-MT do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao, bên trong gồm: chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng

0,2991 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định, bên trong gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2,5) cm, miệng túi có đường viền màu xanh, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 que thử ma túy là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 70.000 đ (*bẩy mươi nghìn đồng*) thu giữ của Lê Tự Q, quá trình điều tra xác định là tài sản của Q, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho Q nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe mô tô Biển kiểm soát 35H3-4278 thu giữ của Lê Tự Q, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Bùi Thị X (là mẹ đẻ của Q). Việc Q sử dụng xe mô tô đi mua ma túy, bà X không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại xe mô tô cho bà X là phù hợp.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Lê Tự Q ngày 18/11/2021 (*theo lời khai của Lê Tự Q*) ở khu vực đường đê thuộc địa phận xã N, huyện H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 BLHS; các Điều 106, 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Tự Q phạm tội "*tàng trữ trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo Lê Tự Q 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 18/11/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho Lê Tự Q số tiền 70.000 đ (*bẩy mươi nghìn đồng*) đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ghi số 867/KLGĐ-PC09-MT do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao, bên trong gồm: chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2991 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong theo quy định, bên trong gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2,5) cm, miệng túi có đường viền màu xanh, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 que thử ma túy (đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày

27/01/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện G và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G).

3. Về án phí: buộc bị cáo Lê Tự Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, người được thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP;

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc